



Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số**

3600642822

ngày 1 tháng 7 năm 2003

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là ngày 5 tháng 5 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Công Thắng	Chủ tịch
Ông Trần Quốc Cường	Thành viên
Bà Thái Thị Hồng Yên	Thành viên
Bà Nguyễn Hoàng Yên	Thành viên
Ông Huỳnh Việt Thăng	Thành viên
Ông Ngô Văn Phước	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Thái Thị Hồng Yên	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng Giám đốc phụ trách công nghệ và sản xuất
Ông Cao Trần Đăng Khoa	Giám đốc chất lượng

Trụ sở đăng ký

Đường D4, Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn
Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Thái Thị Hồng Yến
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 11 tháng 8 năm 2021



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bột giặt NET ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 8 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công tác soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bột giặt NET tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-01-00329-21-1



Nelson Rodríguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Triệu Tích Quyền
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2018-007-2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2021

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		417.527.275.842	388.752.612.343
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	105.346.396.762	39.563.916.661
Tiền	111		6.146.396.762	14.563.916.661
Các khoản tương đương tiền	112		99.200.000.000	25.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		40.400.000.000	85.300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9	40.400.000.000	85.300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		67.134.615.611	63.201.499.922
Phải thu của khách hàng	131	10	56.959.934.671	58.608.876.742
Trả trước cho người bán	132		7.775.863.267	2.192.188.589
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	2.398.817.673	2.400.434.591
Hàng tồn kho	140	12	201.978.127.280	198.920.247.289
Hàng tồn kho	141		201.978.127.280	198.920.247.289
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.668.136.189	1.766.948.471
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		372.420.000	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.295.716.189	1.631.703.671
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	135.244.800

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		297.067.582.034	306.888.358.060
Tài sản cố định	220		241.578.482.662	249.793.492.269
Tài sản cố định hữu hình	221	13	241.129.190.981	249.312.450.592
Nguyên giá	222		386.810.506.592	385.117.730.348
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(145.681.315.611)	(135.805.279.756)
Tài sản cố định vô hình	227	14	449.291.681	481.041.677
Nguyên giá	228		549.000.000	549.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(99.708.319)	(67.958.323)
Bất động sản đầu tư	230	15	9.729.446.289	10.519.652.511
Nguyên giá	231		34.505.676.919	34.505.676.919
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(24.776.230.630)	(23.986.024.408)
Tài sản dở dang dài hạn	240		960.178.818	727.469.940
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	960.178.818	727.469.940
Đầu tư tài chính dài hạn	250	17	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		716.390.400	716.390.400
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(716.390.400)	(716.390.400)
Tài sản dài hạn khác	260		44.799.474.265	45.847.743.340
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	44.799.474.265	45.847.743.340
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		714.594.857.876	695.640.970.403

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		267.969.475.455	308.518.446.622
Nợ ngắn hạn	310		267.869.475.455	308.418.446.622
Phải trả người bán	311	19	182.980.225.059	201.953.380.112
Người mua trả tiền trước	312		10.167.715.038	12.141.553.837
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20	10.396.023.334	5.591.019.658
Phải trả người lao động	314		13.914.516.331	16.850.499.792
Chi phí phải trả	315	21	26.099.522.401	34.128.206.478
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	11.138.571.402	11.066.530.037
Vay ngắn hạn	320	23	1.065.277.120	20.698.633.290
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	12.107.624.770	5.988.623.418
Nợ dài hạn	330		100.000.000	100.000.000
Phải trả dài hạn khác	337		100.000.000	100.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		446.625.382.421	387.122.523.781
Vốn chủ sở hữu	410	25	446.625.382.421	387.122.523.781
Vốn cổ phần	411	26	223.983.740.000	223.983.740.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		223.983.740.000	223.983.740.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	15.706.553.642	15.706.553.642
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		206.935.088.779	147.432.230.139
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		139.427.230.139	14.020.997.559
- Lợi nhuận sau thuế kỳ này/năm trước	421b		67.507.858.640	133.411.232.580
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		714.594.857.876	695.640.970.403

Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Người lập:


 Trần Thị Ái Liên
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Thái Thị Hồng Yến
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	739.962.052.871	727.387.831.753
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	-	1.163.066.360
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	30	739.962.052.871	726.224.765.393
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	578.392.360.609	558.073.974.791
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		161.569.692.262	168.150.790.602
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	3.597.844.594	5.287.267.966
Chi phí tài chính	22	33	693.879.609	1.723.641.065
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		269.769.881	311.308.391
Chi phí bán hàng	25	34	72.098.067.576	72.202.212.024
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	15.324.508.549	15.024.307.121
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		77.051.081.122	84.487.898.358
Thu nhập khác	31		378.295.619	563.293.042
Chi phí khác	32		248.885.902	177.939.695
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		129.409.717	385.353.347
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		77.180.490.839	84.873.251.705
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	9.672.632.199	10.818.074.952
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		67.507.858.640	74.055.176.753

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
		(Đã điều chỉnh lại)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	3.014	3.128
--------------------------	----	----	-------	-------

Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Trần Thị Ái Liên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Thái Thị Hồng Yến
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	77.180.490.839	84.873.251.705
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	10.697.992.073	10.512.163.200
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(3.085.116)	(156.474.325)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.284.413.296)	(3.729.212.285)
Chi phí lãi vay	06	269.769.881	311.308.391
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	85.860.754.381	91.811.036.686
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	792.049.812	(14.913.852.949)
Biến động hàng tồn kho	10	(3.057.879.991)	(40.625.090.612)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(31.132.602.923)	26.055.470.533
Biến động chi phí trả trước	12	675.849.075	459.336.769
		53.138.170.354	62.786.900.427
Tiền lãi vay đã trả	14	(274.306.556)	(311.140.110)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.585.938.910)	(6.295.711.826)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.885.998.648)	(1.822.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	45.391.926.240	54.358.048.491
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(7.181.093.152)	(2.186.078.402)
Gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(21.500.000.000)	(59.600.000.000)
Rút tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24	66.400.000.000	27.800.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.302.612.198	2.747.659.955
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	40.021.519.046	(31.238.418.447)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	45.063.587.870	62.067.125.640
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(64.694.640.240)	(57.714.926.780)
Tiền chi trả cổ tức	36	-	(4.479.674.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(19.631.052.370)	(127.475.940)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	65.782.392.916	22.992.154.104
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	39.563.916.661	36.532.947.546
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	87.185	3.245.981
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	105.346.396.762	59.528.347.631

Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Trần Thị Ái Liên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Thái Thị Hồng Yến
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Hồ Chí Minh và Chi nhánh Biên Hòa (1/1/2021: 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- sản xuất bột giặt và chất tẩy rửa;
- bán buôn các loại bột giặt, chế phẩm vệ sinh và hóa chất ngành tẩy rửa; và
- cho thuê kho, nhà xưởng, văn phòng; kinh doanh bất động sản.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Số lượng nhân viên Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 543 nhân viên (1/1/2021: 592 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyên khoản và tỷ giá bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 8 năm đến 10 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm nhà cửa, cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 – 25 năm
- cơ sở hạ tầng 5 – 20 năm

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí sử dụng hạ tầng

Phí sử dụng hạ tầng là chi phí trả trước phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng hạ tầng khu công nghiệp. Phí sử dụng hạ tầng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng sử dụng cơ sở hạ tầng là 47 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

Lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất bột giặt và chất tẩy rửa. Do đó, mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý.

(t) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được mang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không phụ thuộc vào các biến động thời vụ.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 so với các ước tính được thực hiện khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hay báo cáo tài chính giữa niên độ của năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.



Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Báo cáo bộ phận

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu của bộ phận được phân bổ theo vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác Việt Nam (“Nước ngoài”). Tài sản của bộ phận và chi tiêu vốn của bộ phận không được trình bày do vị trí của tài sản và việc sản xuất là ở Việt Nam. Các thông tin bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

	Trong nước		Nước ngoài		Tổng	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021	30/6/2020	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021	30/6/2020	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	551.461.880.061	527.759.711.494	188.500.172.810	198.465.053.899	739.962.052.871	726.224.765.393
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	437.988.467.874	407.095.132.221	140.403.892.735	150.978.842.570	578.392.360.609	558.073.974.791
Lợi nhuận gộp	113.473.412.187	120.664.579.273	48.096.280.075	47.486.211.329	161.569.692.262	168.150.790.602

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền mặt	309.752.137	825.376.325
Tiền gửi ngân hàng	5.836.644.625	13.738.540.336
Các khoản tương đương tiền	99.200.000.000	25.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	105.346.396.762	39.563.916.661

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	40.400.000.000	85.300.000.000
	<hr/>	<hr/>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất năm là từ 3,1% đến 4,6% (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 5,1% đến 7,0% một năm).

10. Phải thu của khách hàng**Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng Hợp Vincommerce	8.266.184.232	13.306.881.061
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	6.590.565.586	-
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	1.014.100.000	986.100.000
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	853.641.919	871.840.821
Tạm ứng	80.883.500	26.900.000
Phải thu khác	450.192.254	515.593.770
	<hr/>	<hr/>
	2.398.817.673	2.400.434.591
	<hr/>	<hr/>

12. Hàng tồn kho

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	10.175.084.256	6.967.192.940
Nguyên vật liệu	137.201.639.275	137.030.048.677
Công cụ và dụng cụ	377.485.562	450.049.440
Sản phẩm dở dang	3.087.428.197	2.111.388.897
Thành phẩm	51.136.489.990	52.361.567.335
	<hr/>	<hr/>
	201.978.127.280	198.920.247.289
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	227.562.463.142	144.698.839.858	10.958.053.136	1.898.374.212	385.117.730.348
Tăng trong kỳ	-	105.200.000	-	189.000.000	294.200.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	490.725.644	907.850.600	-	-	1.398.576.244
Số dư cuối kỳ	228.053.188.786	145.711.890.458	10.958.053.136	2.087.374.212	386.810.506.592
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	40.217.076.421	87.670.603.775	6.915.911.517	1.001.688.043	135.805.279.756
Khấu hao trong kỳ	5.220.792.835	4.212.715.531	349.008.823	93.518.666	9.876.035.855
Số dư cuối kỳ	45.437.869.256	91.883.319.306	7.264.920.340	1.095.206.709	145.681.315.611
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	187.345.386.721	57.028.236.083	4.042.141.619	896.686.169	249.312.450.592
Số dư cuối kỳ	182.615.319.530	53.828.571.152	3.693.132.796	992.167.503	241.129.190.981

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 58.418 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 57.589 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	549.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	67.958.323
Khấu hao trong kỳ	31.749.996
Số dư cuối kỳ	99.708.319
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	481.041.677
Số dư cuối kỳ	449.291.681

15. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	31.727.073.211	2.778.603.708	34.505.676.919
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	21.758.233.867	2.227.790.541	23.986.024.408
Khấu hao trong kỳ	758.842.968	31.363.254	790.206.222
Số dư cuối kỳ	22.517.076.835	2.259.153.795	24.776.230.630
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	9.968.839.344	550.813.167	10.519.652.511
Số dư cuối kỳ	9.209.996.376	519.449.913	9.729.446.289

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản có nguyên giá 2.545 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 2.545 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND
Số dư đầu kỳ	727.469.940
Tăng trong kỳ	1.631.285.122
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.398.576.244)
Số dư cuối kỳ	960.178.818

17. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ (“Rau quả Cần Thơ”) với số tiền là 716.390.400 VND. Công ty nắm giữ 6.600 cổ phần với mệnh giá là 100.000 VND/1 cổ phần, tương đương với 10,1% vốn điều lệ của Rau quả Cần Thơ. Tại ngày báo cáo, Rau quả Cần Thơ đã ngừng hoạt động do bị thua lỗ kéo dài và đã làm thủ tục giải thể doanh nghiệp. Ban Giám đốc Công ty đã trích lập dự phòng cho toàn bộ khoản đầu tư này.

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí sử dụng hạ tầng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	44.377.825.686	1.469.917.654	45.847.743.340
Tăng trong kỳ		175.525.000	175.525.000
Phân bổ trong kỳ	(564.124.902)	(659.669.173)	(1.223.794.075)
Số dư cuối kỳ	43.813.700.784	985.773.481	44.799.474.265

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả người bán

Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Bên liên quan khác		
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa – Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam	6.936.921.200	6.480.460.800
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam	3.294.324.000	3.790.299.150
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế phải nộp Nhà Nước

	1/1/2021 VND	Phát sinh VND	Nộp/Cán trừ VND	30/6/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	308.350.235	64.414.265.786	(64.419.229.606)	303.386.415
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	8.150.541.977	(8.150.541.977)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.001.028.737	9.672.632.199	(5.585.938.910)	9.087.722.026
Thuế nhập khẩu	-	1.311.840.894	(1.311.840.894)	-
Thuế thu nhập cá nhân	272.193.552	377.100.431	(517.293.590)	132.000.393
Các loại thuế khác	9.447.134	1.093.600.708	(230.133.342)	872.914.500
	5.591.019.658	85.019.981.995	(80.214.978.319)	10.396.023.334



Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Chi phí khuyến mại và hỗ trợ bán hàng	18.151.398.488	23.500.969.258
Chi phí vận chuyển	3.723.200.349	3.939.831.518
Chi phí hoa hồng	2.854.019.714	2.702.861.432
Chi phí lãi vay	-	4.536.675
Chi phí khác	1.370.903.850	3.980.007.595
	<hr/>	<hr/>
	26.099.522.401	34.128.206.478

22. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Phải trả khác cho nhân viên	6.564.090.126	6.992.828.512
Ký quỹ, ký cược đã nhận	1.186.900.000	1.186.900.000
Kinh phí công đoàn	644.473.155	426.304.995
Phải trả khác	2.743.108.121	2.460.496.530
	<hr/>	<hr/>
	11.138.571.402	11.066.530.037

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vay ngắn hạn

	1/1/2021		30/6/2021		
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ	Số có khả năng trả nợ VND	
		Vay VND	Trả nợ vay VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	
				Giá trị ghi sổ VND	
Vay ngắn hạn	20.698.633.290	20.698.633.290	45.063.587.870 (64.694.640.240)	(2.303.800) 1.065.277.120	1.065.277.120

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	USD	2,0%	1.065.277.120	20.698.633.290

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty không có khoản vay nào quá hạn bao gồm cả gốc và lãi.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết tại cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động trong kỳ của quỹ khen thưởng, phúc lợi như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	5.988.623.418	9.756.765.654
Trích lập trong kỳ	8.005.000.000	1.822.000.000
Sử dụng trong kỳ	(1.885.998.648)	(4.044.909.035)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	12.107.624.770	7.533.856.619

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	223.983.740.000	15.706.553.642	69.599.095.159	309.289.388.801
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	74.055.176.753	74.055.176.753
Cổ tức	-	-	(4.479.674.800)	(4.479.674.800)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.822.000.000)	(1.822.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	223.983.740.000	15.706.553.642	137.352.597.112	377.042.890.754
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	223.983.740.000	15.706.553.642	147.432.230.139	387.122.523.781
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	67.507.858.640	67.507.858.640
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(8.005.000.000)	(8.005.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	223.983.740.000	15.706.553.642	206.935.088.779	446.625.382.421



Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000
Vốn cổ phần và số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

27. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 23 tháng 4 năm 2021 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 134.390 triệu VND. Cổ tức phải trả sẽ được ghi nhận khi Hội đồng Quản trị phê duyệt và khi danh sách cổ đông hưởng cổ tức được chốt.

28. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết tại cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập cho mục đích mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh của Công ty trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.189.403.374	2.789.574.341
Từ hai đến năm năm	9.042.802.980	9.109.305.764
Từ năm năm trở lên	57.591.398.109	59.006.115.961
	<hr/>	<hr/>
	69.823.604.463	70.904.996.066
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
▪ USD	30.045	688.607.104	25.981	598.474.408
▪ EUR	218	5.849.869	223	6.242.076
		<hr/>		<hr/>
		694.456.973		604.716.484
		<hr/>		<hr/>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	5.359.259.091	6.172.988.387
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tổng doanh thu:		
▪ Bán thành phẩm	717.189.976.766	699.130.346.968
▪ Dịch vụ gia công	16.662.558.864	22.873.785.262
▪ Cho thuê nhà xưởng và dịch vụ khác	3.977.274.530	2.060.334.540
▪ Doanh thu khác	2.132.242.711	3.323.364.983
	<hr/>	<hr/>
	739.962.052.871	727.387.831.753
Trừ đi khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	-	1.163.066.360
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	739.962.052.871	726.224.765.393
	<hr/>	<hr/>

31. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	560.352.703.556	536.451.984.762
▪ Chi phí gia công	13.856.420.665	19.428.567.807
▪ Cho thuê nhà xưởng và dịch vụ khác	2.825.948.178	1.200.213.386
▪ Giá vốn khác	1.357.288.210	993.208.836
	<hr/>	<hr/>
	578.392.360.609	558.073.974.791
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.284.413.296	3.729.212.285
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.313.431.298	1.558.055.681
	<hr/>	<hr/>
	3.597.844.594	5.287.267.966

33. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	269.769.881	311.308.391
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	424.109.728	1.412.332.674
	<hr/>	<hr/>
	693.879.609	1.723.641.065

34. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng	26.803.652.853	23.612.963.238
Chi phí vận chuyển	24.167.683.186	19.497.474.559
Chi phí nhân viên	15.738.735.857	14.149.600.570
Chi phí vật liệu, bao bì	1.071.304.149	1.066.565.446
Chi phí khuyến mại	948.152.225	11.285.710.808
Chi phí khấu hao	182.387.371	193.482.708
Chi phí khác	3.186.151.935	2.396.414.695
	<hr/>	<hr/>
	72.098.067.576	72.202.212.024

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	6.197.817.598	5.922.163.139
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.901.801.336	1.861.263.843
Thuế, phí và lệ phí	1.809.459.402	1.605.762.444
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	920.639.779	791.206.548
Chi phí khác	4.494.790.434	4.843.911.147
	<hr/>	<hr/>
	15.324.508.549	15.024.307.121

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	524.861.197.503	518.226.301.640
Chi phí nhân công và nhân viên	35.139.396.190	36.425.054.077
Chi phí khấu hao	10.697.992.073	10.512.163.200
Chi phí khác	95.116.350.968	80.136.975.019

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Kỳ hiện hành	9.355.189.994	10.818.074.952
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	317.442.205	-
	<hr/>	<hr/>
	9.672.632.199	10.818.074.952

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	77.180.490.839	84.873.251.705
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	15.436.098.168	16.974.650.341
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(5.645.964.227)	(6.164.107.079)
Chênh lệch tạm thời khác	(446.782.947)	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	11.839.000	7.531.690
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	317.442.205	-
	<u>9.672.632.199</u>	<u>10.818.074.952</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Căn cứ Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2018 - 2019) và giảm 50% thuế thu nhập trong 4 năm tiếp theo (2020 - 2023) đối với dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP.

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của họ về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyên giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác và mức ảnh hưởng đến báo cáo tài chính có thể là đáng kể.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***38. Lãi trên cổ phiếu****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi) là 67.508 triệu VND (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 70.053 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ là 22.398.374 cổ phiếu (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 22.398.374 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
		(Đã điều chỉnh lại) (*)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	67.507.858.640	70.052.676.753

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ	22.398.374	22.398.374

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
		(Đã điều chỉnh lại) (*)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.014	3.128

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được điều chỉnh lại dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ thực tế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi đã được các cổ đông thông qua tại cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có khả năng suy giảm. Do đó, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa – Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam Mua hàng hóa	15.842.070.000	22.299.723.800
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam Mua hàng hóa	16.300.990.900	12.706.669.650
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan Bán hàng hóa	57.645.158.970	39.473.785.118
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng Hợp Vincommerce Bán hàng hóa	13.326.524.321	771.185.390
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Thù lao	474.010.000	1.104.000.000

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

40. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Trần Thị Ái Liên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Thái Thị Hồng Yến
Tổng Giám đốc

